

Số: 639/QĐ-CDKTKT-CTHSSV

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hướng dẫn thực hiện các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy học tập tại Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

- Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc Đại học Thái Nguyên;

- Căn cứ Văn bản hợp nhất số 1308/2019/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

- Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

- Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

- Căn cứ Quyết định 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGD&ĐT-BTC ngày 28/3/2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số tại các trường đào tạo công lập;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 về hướng dẫn thực hiện Quyết định 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn thực hiện các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy học tập tại Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng phòng Công tác HSSV, phòng ĐT-QLKH&HTQT, phòng KH-TC, các Phòng, Khoa, Trung tâm, các đơn vị liên quan và HSSV trong toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các Khoa (thực hiện);
- P. TH (Website);
- Lưu: VT, P.CTHSSV.



HƯỚNG DẪN

Về việc thực hiện các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên
hệ chính quy học tập tại Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật
(Ban hành kèm theo Quyết định số 639/QĐ-CDKTKT-CTHSSV
ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)

Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật hướng dẫn học sinh, sinh viên (HSSV) việc thực hiện các chế độ chính sách đối với hệ chính quy đang học tập tại Trường như sau:

I. MIỄN GIẢM HỌC PHÍ

1. Quy định về miễn, giảm học phí

- Việc miễn, giảm học phí cho HSSV được thực hiện tại trường nơi HSSV đang học tập.
- HSSV thuộc diện được miễn, giảm học phí phải nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định để được nhà trường xét hưởng miễn, giảm học phí.
- Việc xét miễn, giảm học phí cho HSSV được tiến hành theo học kỳ. HSSV hoàn tất hồ sơ xét miễn, giảm học phí ở học kỳ nào thì được hưởng miễn, giảm học phí ở học kỳ đó. Không giải quyết truy hưởng miễn, giảm học phí của các học kỳ trước.
- Chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí đối với các môn học lần một theo chương trình học, không áp dụng cho các môn học lại, học cải thiện,... cũng như chỉ áp dụng đối với học kỳ chính, không áp dụng đối với học kỳ phụ.
- HSSV thuộc diện được miễn, giảm học phí mà học cùng lúc 2 chương trình thì chỉ được hưởng chế độ miễn, giảm học phí ở chương trình thứ nhất.

2. Đối tượng được miễn học phí (100%)

2.1. Đối tượng 1

- Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội. Cụ thể:

+ Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có);

+ Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

2.2. Đối tượng 2

HSSV bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2.3. Đối tượng 3

- Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Cụ thể:

- + Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- + Mồ côi cả cha và mẹ;
- + Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;
- + Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- + Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- + Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;
- + Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- + Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- + Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- + Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- + Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2.4. Đối tượng 4

HSSV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2.5. Đối tượng 5

HSSV là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn (Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, O Đu).

3. Đối tượng được giảm học phí

3.1. Đối tượng được giảm 70% học phí

HSSV là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3.2. Đối tượng được giảm 50% học phí

HSSV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

4. Thủ tục hồ sơ

Đối tượng	Hồ sơ cần phải nộp (các bản sao phải có chứng thực)	Ghi chú
1. Đối tượng miễn học phí (100 %)		
Đối tượng 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin miễn, giảm học phí (theo mẫu); - Bản sao giấy khai sinh; - Giấy xác nhận (hoặc bản sao giấy xác nhận có chứng thực) thuộc đối tượng: con của liệt sỹ; con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; - Bản sao thẻ thương binh, bệnh binh, quyết định được xác định là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (để kiểm tra). 	Xét 1 lần hưởng cả khóa học (tính từ thời điểm nộp hồ sơ)
Đối tượng 2	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin miễn, giảm học phí (theo mẫu); - Giấy xác nhận HSSV bị tàn tật, khuyết tật do Ủy ban nhân dân xã cấp hoặc Quyết định về việc cấp trợ cấp xã hội đối với người bị tàn tật, khuyết tật; - Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (bản dấu đỏ) do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp. 	Xét theo từng kỳ (tính từ thời điểm nộp hồ sơ)
Đối tượng 3	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin miễn, giảm học phí (theo mẫu); - Bản sao giấy khai sinh; - Bản sao giấy chứng tử của bố, mẹ. 	Xét 1 lần hưởng cả khóa học (tính từ thời điểm nộp hồ sơ)
Đối tượng 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin miễn, giảm học phí (theo mẫu); - Bản sao giấy khai sinh; - Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (bản dấu đỏ) do ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp 	Xét theo từng kỳ (tính từ thời điểm nộp hồ sơ)
Đối tượng 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin miễn, giảm học phí (theo mẫu); - Bản sao giấy khai sinh; - Bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu thường trú - Giấy xác nhận của chính quyền địa phương việc có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. 	Xét theo từng kỳ (tính từ thời điểm nộp hồ sơ)
2. Đối tượng giảm 70% học phí		
Đối tượng 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin miễn, giảm học phí (theo mẫu); - Bản sao giấy khai sinh; - Bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu thường trú - Giấy xác nhận của chính quyền địa phương việc có hộ 	Xét theo từng kỳ (tính từ thời điểm nộp hồ sơ)



	khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	
3. Đối tượng giảm 50% học phí		
Đối tượng 7	- Đơn xin miễn, giảm học phí (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao giấy khai sinh; - Bản sao có chứng thực thẻ, sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của bố (mẹ) do tổ chức BHXH cấp.	Xét 1 lần hưởng cả khóa học (<i>tính từ thời điểm nộp hồ sơ</i>)

II. TRỢ CẤP XÃ HỘI

1. Đối tượng áp dụng

Chế độ trợ cấp xã hội áp dụng đối với HSSV đang theo học tại Trường hệ chính quy.

2. Đối tượng và hồ sơ hưởng trợ cấp xã hội

Đối tượng hưởng	Hồ sơ hưởng
2.1 HSSV là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ít nhất từ 3 năm trở lên (tính từ ngày sinh viên nhập học) ở vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Đơn xin hưởng Trợ cấp xã hội. - Bản sao giấy khai sinh. - Giấy chứng nhận HSSV thường trú tại các xã vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn cấp.
2.2. Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, không có nguồn chu cấp thường xuyên	- Đơn xin hưởng Trợ cấp xã hội. - Bản sao giấy khai sinh. - Giấy xác nhận HSSV mồ côi cha mẹ do Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của HSSV

III. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

1. Đối tượng hưởng

HSSV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thủ tục và hồ sơ

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (*theo mẫu*).
- Bản sao giấy khai sinh.
- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo (*theo năm*) do ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp.

IV. HỖ TRỢ HỌC TẬP

1. Đối tượng hưởng

HSSV thuộc 16 dân tộc thiểu số rất ít người có số dân dưới 10.000 người (Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bồ Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ở Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hủ).

2. Thủ tục và hồ sơ

- Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (*theo mẫu*).
- Bản sao giấy khai sinh.

V. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ

1. Thời gian

- Đối với học kỳ I: Từ đầu học kỳ đến hết 15/10.
- Đối với học kỳ II: Từ đầu học kỳ đến hết tháng 2.

2. Địa điểm

HSSV nộp hồ sơ điện được hưởng chế độ về phòng Công tác HSSV, P107-H2 (Cô Nguyễn Lệ Thanh - SĐT: 0979147219).

Nhà trường xét miễn, giảm học phí cho HSSV được thực hiện theo từng học kỳ, vì vậy HSSV phải nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời gian quy định. Nhà trường không giải quyết những trường hợp HSSV nộp hồ sơ không đầy đủ và không đúng thời gian./.

Nơi nhận:

- BGH (báo cáo);
- Các Khoa (thực hiện);
- P. TH (Website);
- Lưu VT, P.CTHSSV.



TS. Ngô Xuân Hoàng